



HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION
71 Le Lai, May Chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City
T (84 225) 3836 692 | F (84 225) 3836 155 | www.canfoco.com.vn

Hải Phòng, ngày 29 tháng 7 năm 2026
Haiphong, July 29th, 2026

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Respectfully: STATE SECURITIES COMMISSION
HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận quý 2/2026 so với quý 2/2025, báo cáo quý 2/2026 bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này trên Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và hợp nhất như sau :

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for the difference in profit between Q2/2026 and Q2/2025, resulting in a loss in Q2/2026, shifting from a profit in the same period of the previous year to a loss in this period on the Income Statement of the parent company and consolidated statements as follows:

1.1 Báo cáo tài chính Công ty mẹ: / Separate Financial Statements (Parent Company):

DVT/ Calculation unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2026/ Quarter II.2026	Quý II.2025/ Quarter II.2025	CHÊNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	25,632	118,416	(92,784)	-78%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	2,186	3,189	(1,003)	-31%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	Net revenue from sale of goods and rendering of services	23,446	115,227	(91,781)	-80%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	30,573	85,341	(54,768)	-64%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	Gross profit from sale of goods and rendering of services	(7,127)	29,886	(37,013)	-124%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	4,000	0,025	3,976	16149%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	0,170	0,602	(0,432)	-72%
- Trong đó: Chi phí đi vay	- In which: Interest expenses	0,105	0,397	(0,292)	-74%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	7,685	23,475	(15,791)	-67%

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2026/ Quarter II.2026	Quý II.2025/ Quarter II.2025	CHÊNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	2,767	5,075	(2,308)	-45%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	Operating profit	(13,748)	0,758	(14,507)	-1913%
11. Thu nhập khác	Other income	0,057	0,253	(0,196)	-78%
12. Chi phí khác	Other expenses	0,193	0,052	0,141	274%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	Other profit	(0,136)	0,202	(0,338)	-168%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	Net profit before tax	(13,885)	0,960	(14,845)	-1546%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense		0,138	(0,138)	-100%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	Net profit after tax	(13,885)	0,822	(14,706)	-1790%

Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ quý 2/2026 lỗ 13,885 tỷ, tức là giảm 14,845 tỷ, tương ứng giảm 1546% so với quý 2/2025. Nguyên nhân là do trong quý 2/2026 doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 80%, trong khi giá vốn giảm 64%, chi phí bán hàng giảm 67% và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 45% nên lợi nhuận trước và sau thuế lỗ 13,885 tỷ.

Profit before tax of the Parent Company in Quarter 2.2026 is a loss of VND 2.095 billion, decreased by VND 13.885 billion, equivalent to 1546% compared with the same period in 2025. The reason is that in Quarter 2. 2026, net revenue from sales and services decreased by 78%, while the cost of goods sold decreased by 64%, selling expenses decreased by 67%, and administrative expenses decreased by 45%, resulting in a pre-tax and after-tax loss of 13.885 billion VND.

1.2 Báo cáo tài chính hợp nhất: /Consolidated Financial Statement:

DVT/ Calculation unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2026/ Quarter II.2026	Quý II.2025/ Quarter II.2025	CHÊNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	96,623	160,402	(63,78)	-39,76%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	2,122	3,191	(1,07)	-33,49%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	Net revenue from sale of goods and rendering of services	94,501	157,211	(62,71)	-39,89%

0200
CỘNG
HÒA
HÀ LONG
QUYỀN

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2026/ Quarter II.2026	Quý II.2025/ Quarter II.2025	CHÊNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
4. Giá vốn hàng bán	<i>Costs of goods sold and services rendered</i>	90,554	120,149	(29,59)	-24,63%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	<i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	3,946	37,062	(33,12)	-89,35%
6. Lãi/ lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	<i>Profit/loss from the sale and liquidation of investment properties.</i>				
7. Doanh thu hoạt động tài chính	<i>Income from financial activities</i>	0,180	0,977	(0,80)	-81,53%
8. Chi phí tài chính	<i>Expenses from financial activities</i>	0,983	1,122	(0,14)	-12,37%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	0,764	0,546	0,22	39,80%
9. Chi phí bán hàng	<i>Selling Expenses</i>	9,531	24,806	(15,28)	-61,58%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<i>Administration Expenses</i>	3,558	7,050	(3,49)	-49,53%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26))	<i>Operating profit</i>	(9,945)	5,061	(15,01)	-296,50%
12. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	0,057	0,258	(0,20)	-77,96%
13. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	0,540	0,056	0,48	873,24%
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	<i>Other profit</i>	(0,484)	0,203	(0,69)	-338,45%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	<i>Net profit before tax</i>	(10,429)	5,264	(15,69)	-298,11%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	1,084	1,097	(0,01)	-1,14%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	<i>Net profit after tax</i>	(11,513)	4,167	(15,68)	-376,27%

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất quý 2/2026 lỗ 10,429 tỷ, tức là giảm 15,69 tỷ, tương ứng giảm 298,11% so với quý 2/2026. Nguyên nhân là trong quý 2/2026 doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 39,89% trong khi giá vốn giảm 24,63%, chi phí bán hàng giảm 61,58% và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 49,53% dẫn đến lợi nhuận hợp nhất lỗ 10,429 tỷ trước thuế và 11,513 tỷ sau thuế.

Profit before tax of the consolidated report in Quarter 1.2025 is loss of 0.137 billion, increased by 5.345 billion, equivalent to 98% compared with that of Quarter 1. 2024. The main cause for this is in Quarter 2.2026, net revenue from sales and services decreased by 39.89%, while the cost of goods sold decreased

by 24.63%, selling expenses decreased by 61.58%, and administrative expenses decreased by 49.53%, resulting in a consolidated loss of 10,429 billion VND before tax and 11,513 billion VND after tax.

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan./.

Our Company would like to explain to your Agency./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP ĐỒ HỘP HÀ LONG
ON BEHALF OF HALONG CANFOCO



PHÓ GIÁM ĐỐC SẢN XUẤT

Cao Nhật Huy

